



MẪU HỘP 3 VỈ X 10 VIÊN NÉN BAO PHIM
KAMATINPRO

KAMATINPRO

Vitamin B1+B2+PP+B6

Hộp 3 vỉ x
10 viên nén bao phim

CÔNG THỨC: Mỗi viên nén bao phim chứa:
Thiamine mononitrate (vitamin B1)4,85 mg
Riboflavin (vitamin B2)2 mg
Nicotinamide (vitamin PP)20 mg
Pyridoxine hydrochloride (vitamin B6).....2 mg
Tã được vừa đủ1 viên
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
BẢO QUẢN: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM,
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG,
DÙNG ĐƯỜNG UỐNG.

SLSX: Tiêu chuẩn: NSX
NSX: SĐK:
HD:

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ
CHI NHÁNH NHÀ MÁY USARICHPHARM
Lô số 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM
ĐT: (028) 37.547.997 Web: www.duocphongphu.vn

KAMATINPRO

Vitamin B1+B2+PP+B6

Box of 3 blisters x
10 film coated tablets

COMPOSITION: Each film coated tablet contains:
Thiamine mononitrate (vitamin B1)4,85 mg
Riboflavin (vitamin B2)2 mg
Nicotinamide (vitamin PP)20 mg
Pyridoxine hydrochloride (vitamin B6).....2 mg
Excipients q.s.f1 tablet
INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND OTHER INFORMATION:
Read the package insert.
STORAGE: Store in a cool and dry place, protect from light, below 30°C.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.
ORAL ROUTE.



Manufactured by:
PHONG PHU PHARMACEUTICAL JSC
USARICHPHARM FACTORY BRANCH
Lot No 12, Road No 8, Tân Tạo 12, Bình Tân District, HCMC
USARICHPHARM Tel: (028) 37.547.997 Web: www.duocphongphu.vn



MẪU HỘP 5 VỈ X 10 VIÊN NÉN BAO PHIM
KAMATINPRO

KAMATINPRO

Vitamin B1+B2+PP+B6

Hộp 5 vỉ x
10 viên nén bao phim

CÔNG THỨC: Mỗi viên nén bao phim chứa:

Thiamine mononitrate (vitamin B1)4,85 mg

Riboflavin (vitamin B2)2 mg

Nicotinamide (vitamin PP)20 mg

Pyridoxine hydrochloride (vitamin B6).....2 mg

Tá dược vừa đủ1 viên

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ

CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem trong tờ hướng dẫn

sử dụng thuốc kèm theo.

BẢO QUẢN: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt

độ dưới 30°C.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

ĐỪNG ĐƯƠNG UỐNG.

SLSX:

NSX:

HD:

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

CHI NHÁNH NHÀ MÁY USARICHPHARM

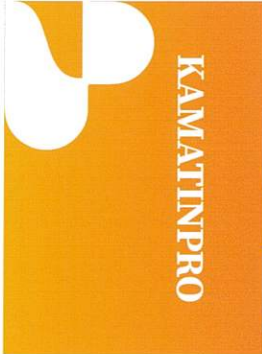
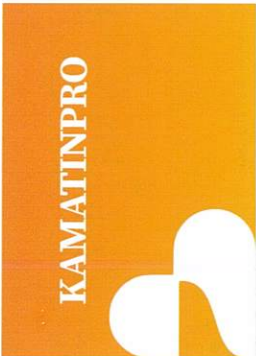
Lô số 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM

ĐT: (028) 37.547.997

Web: www.duocphongphu.vn

Tiêu chuẩn: NSX

SDK:



KAMATINPRO

Vitamin B1+B2+PP+B6

Box of 5 blisters x
10 film coated tablets

COMPOSITION: Each film coated tablet contains:

Thiamine mononitrate (vitamin B1)4,85 mg

Riboflavin (vitamin B2)2 mg

Nicotinamide (vitamin PP)20 mg

Pyridoxine hydrochloride (vitamin B6).....2 mg

Excipients q.s.f1 tablet

INDICATIONS, ADMINISTRATION,

CONTRAINDICATIONS AND OTHER INFORMATION:

Read the package insert.

STORAGE: Store in a cool and dry place, protect from

light, below 30°C.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.

ORAL ROUTE.

mã vạch

Manufactured by:

PHONG PHU PHARMACEUTICAL JSC

USARICHPHARM FACTORY BRANCH

Lô số 12, Đường số 8, Tân Tạo 12, Bình Tân District, HCMC

USARICHPHARM Tel: (028) 37.547.997

Web: www.duocphongphu.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
QUỐC TẾ CTT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



MẪU HỘP 10 VỈ X 10 VIÊN NÉN BAO PHIM
KAMATINPRO

KAMATINPRO
Vitamin B1+B2+PP+B6



Hộp 10 vỉ x
10 viên nén bao phim



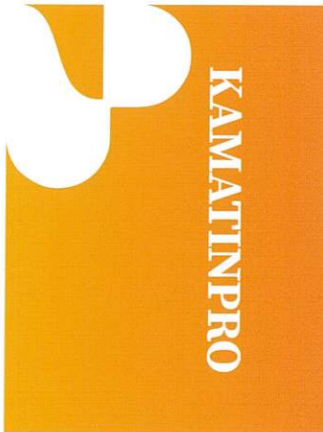
CÔNG THỨC: Mỗi viên nén bao phim chứa:
Thiamine mononitrate (vitamin B1) 4,85 mg
Riboflavin (vitamin B2) 2 mg
Nicotinamide (vitamin PP) 20 mg
Pyridoxine hydrochloride (vitamin B6) 2 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên
**CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ
CÁC THÔNG TIN KHÁC:** Xem trong tờ hướng
dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
BẢO QUẢN: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng,
nhiệt độ dưới 30°C.
TIÊU CHUẨN: NSX SĐK:

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
DÙNG ĐƯỜNG UỐNG.

SLSX:
NSX:
HD:

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ
CHI NHÁNH NHÀ MÁY USARICHPHARM
Lô số 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM
USARICHPHARM ĐT: (028) 37.547.997 Web: www.duocphongphu.vn

KAMATINPRO
Vitamin B1+B2+PP+B6



Box of 10 blisters x
10 film coated tablets



COMPOSITION: Each film coated tablet contains:
Thiamine mononitrate (vitamin B1) 4,85 mg
Riboflavin (vitamin B2) 2 mg
Nicotinamide (vitamin PP) 20 mg
Pyridoxine hydrochloride (vitamin B6) 2 mg
Excipients q.s.f 1 tablet
**INDICATIONS, ADMINISTRATION,
CONTRAINDICATIONS AND OTHER
INFORMATION:** Read the package insert.
STORAGE: Store in a cool and dry place, protect
from light, below 30°C.
SPECIFICATIONS: Manufacturer's

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.
ORAL ROUTE.



Manufactured by:
PHONG PHU PHARMACEUTICAL JSC
USARICHPHARM FACTORY BRANCH
Lô No 12, Road No 8, Tân Tạo, Bình Tân District, HCMC
USARICHPHARM Tel: (028) 37.547.997 Web: www.duocphongphu.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
QUỐC TẾ CTT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



MẪU VỈ X 10 VIÊN NÉN BAO PHIM
KAMATINPRO

KAMATINPRO (GMP) Vitamin B1+B2+PP+B6 CTY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ CHI NHÁNH NHÀ MÁY USARICHPHARM	KAMATINPRO (GMP) Vitamin B1+B2+PP+B6 PHONG PHU PHARMACEUTICAL JSC USARICHPHARM FACTORY BRANCH
KAMATINPRO (GMP) Vitamin B1+B2+PP+B6	KAMATINPRO (GMP) Vitamin B1+B2+PP+B6

HD:

Số lô SX:



KAMATINPRO

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

ĐỂ XÀ TẮM TAY TRẺ EM

THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SĨ HOẶC DƯỢC SĨ

NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC

1. Thành phần công thức thuốc:

Thành phần dược chất:	Thiamine mononitrate (Vitamin B1)	4,85 mg
	Riboflavin (Vitamin B2)	2 mg
	Nicotinamide (Vitamin PP)	20 mg
	Pyridoxine hydrochloride (Vitamin B6)	2 mg

Thành phần tá dược: Lactose monohydrate 200M, maize starch, povidone K30, sodium starch glycolate, magnesium stearate, colloidal anhydrous silica, hydroxypropyl methylcellulose E15, polyethylene glycol 6000, titanium dioxide, talc, ponceau 4R lake.

2. Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

Mô tả: Viên nén tròn, bao phim màu nâu đỏ, hai mặt trơn, hơi khum, cạnh và thành viên lặn.

3. Chỉ định:

Điều trị tình trạng thiếu vitamin B lâm sàng và cận lâm sàng (các biểu hiện bao gồm viêm lưỡi, viêm miệng, khô nứt môi, bệnh beriberi biểu hiện suy tim, bệnh pellagra biểu hiện trên da, bệnh tân mạch giác mạc và viêm đa dây thần kinh).

4. Cách dùng, liều dùng:

Cách dùng: Dùng đường uống.

Liều dùng:

Người lớn (bao gồm người cao tuổi) và trẻ em trên 3 tuổi: 1-2 viên x 3 lần/ngày.

Trẻ em dưới 3 tuổi: không khuyến cáo sử dụng.

5. Chống chỉ định:

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Cảnh báo về thành phần có trong công thức thuốc:

- Thuốc có chứa lactose: Bệnh nhân bị rối loạn di truyền hiếm gặp như không dung nạp galactose, thiếu hụt lactase hoàn toàn hoặc kém hấp thu glucose – galactose không nên dùng thuốc này.
- Thuốc này có chứa dưới 1 mmol (23 mg) natri trong mỗi viên nén, về cơ bản được xem như ‘không chứa natri’.
- Phẩm màu azo (ponceau 4R lake): Có thể gây các phản ứng dị ứng.



7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Sử dụng cho phụ nữ có thai:

Thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ có thai, đặc biệt là trong 3 tháng đầu thai kỳ.

Không có thông tin về độc tính trên thai nhi.

Sử dụng cho phụ nữ cho con bú:

Ở liều cao, pyridoxine có thể ảnh hưởng đến việc tiết sữa (giải phóng prolactin). Sử dụng thận trọng ở phụ nữ đang cho con bú.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

9. Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Tương tác của thuốc:

Pyridoxine có thể làm tăng chuyển hóa ở ngoại biên của levodopa, làm giảm hiệu quả điều trị của levodopa. Do đó, bệnh nhân mắc bệnh Parkinson đang được điều trị bằng levodopa không nên dùng pyridoxine với liều vượt quá liều hàng ngày. Điều này không áp dụng khi levodopa được kết hợp với chất ức chế decarboxylase ngoại biên.

Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Không có tác dụng không mong muốn vì bất kỳ lượng dư thừa vitamin nhóm B nào cũng sẽ được bài tiết ra ngoài.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Báo cáo tác dụng không mong muốn của thuốc

Việc báo cáo các tác dụng không mong muốn sau khi thuốc được lưu hành là rất quan trọng, nó cho phép tiếp tục theo dõi đánh giá lợi ích/rủi ro của thuốc. Hãy báo cáo bất kỳ tác dụng không mong muốn nào tới:

- *Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (DI&ADR).*
- *Địa chỉ: 13 - 15 Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội.*
- *Điện thoại: 024 39335618*
- *Website: <http://canhgiacduoc.org.vn>*

11. Quá liều và cách xử trí:

Triệu chứng: Hầu hết các vitamin nhóm B dư thừa đều sẽ dễ dàng được bài tiết ra ngoài, do đó không có vấn đề nghiêm trọng nào khi sử dụng vitamin nhóm B ở dạng này.

Cách xử trí: Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

12. Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Vitamin nhóm B tổng hợp

Mã ATC: A11EA



Cơ chế tác dụng: Thuốc bao gồm các vitamin tan trong nước, các vitamin này tạo thành coenzym cần thiết cho quá trình chuyển hóa protein, carbohydrate hoặc acid béo.

13. Đặc tính dược động học:

Nicotinamide được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa sau khi dùng đường uống và phân bố rộng rãi trong mô. Lượng nhỏ nicotinamide được bài tiết dưới dạng không đổi qua nước tiểu ở liều điều trị, tuy nhiên lượng chất bài tiết ở dạng không đổi tăng lên khi dùng liều cao.

Pyridoxine được hấp thu ở đường tiêu hóa và chuyển thành dạng pyridoxal phosphate có hoạt tính, được bài tiết qua nước tiểu ở dạng acid 4-pyridoxic.

Riboflavin được hấp thu ở đường tiêu hóa và gắn kết với protein huyết tương trong tuần hoàn. Dù phân bố rộng rãi nhưng chỉ một lượng nhỏ được lưu trữ trong cơ thể và lượng lớn vượt quá nhu cầu được bài tiết qua nước tiểu.

Thiamine được hấp thu ở đường tiêu hóa và phân bố rộng rãi ở các mô trong cơ thể. Thiamine không được lưu trữ ở mức độ nào trong cơ thể và lượng lớn vượt quá nhu cầu được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc chuyển hóa.

14. Quy cách đóng gói:

- Hộp 03 vi (Al/PVC) × 10 viên kèm tờ hướng dẫn sử dụng thuốc
- Hộp 05 vi (Al/PVC) × 10 viên kèm tờ hướng dẫn sử dụng thuốc
- Hộp 10 vi (Al/PVC) × 10 viên kèm tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

Điều kiện bảo quản: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: NSX

16. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm

Địa chỉ: Lô số 12, Đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

